

Vai trò của TFP trong chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

GS.TS TRẦN THỌ ĐẠT

ThS ĐỖ TUYẾT NHUNG

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Chất lượng tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: tăng trưởng phải đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; tăng trưởng đi kèm với phát triển môi trường bền vững; đạt được mục tiêu cải thiện phúc lợi xã hội và giảm đói nghèo... Một trong những thước đo chất lượng tăng trưởng kinh tế chính là năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP). Trong bài viết dưới đây, các tác giả phân tích cụ thể vai trò của TFP trong chất lượng tăng trưởng kinh tế ở nước ta giai đoạn từ sau đổi mới đến nay.

Theo mô hình tăng trưởng Tân cổ điển, tăng trưởng GDP được hình thành từ ba yếu tố: vốn, lao động và TFP. TFP phản ánh tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, của giáo dục và đào tạo, qua đó gia tăng đầu ra không chỉ phụ thuộc vào tăng thêm về số lượng của đầu vào mà còn vào cả chất lượng của các yếu tố đầu vào là vốn và lao động. Tăng TFP gắn liền với áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ, cải tiến phương thức quản lý và nâng cao kỹ năng, trình độ tay nghề của người lao động... Cùng với lượng đầu vào như nhau, lượng đầu ra có thể lớn hơn nhờ vào việc cải tiến chất lượng của lao động, vốn và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực này. Lý thuyết của Solow (1994) khẳng định, tăng vốn và lao động có thể dẫn đến tăng trưởng kinh tế ngắn hạn, phù hợp với giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, còn tăng TFP mới là nguồn gốc tăng trưởng trong dài hạn.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế

Theo quan điểm của nhiều nhà kinh tế thì cùng với quá trình tăng trưởng, chất lượng tăng trưởng biểu hiện tập trung ở các tiêu chuẩn chính sau: (1) TFP cao, đảm bảo cho việc duy trì tốc độ tăng trưởng dài hạn và tránh được những biến động từ bên ngoài; (2) tăng trưởng phải đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; (3) tăng trưởng đi kèm với phát triển môi trường bền vững; (4) tăng trưởng hỗ trợ



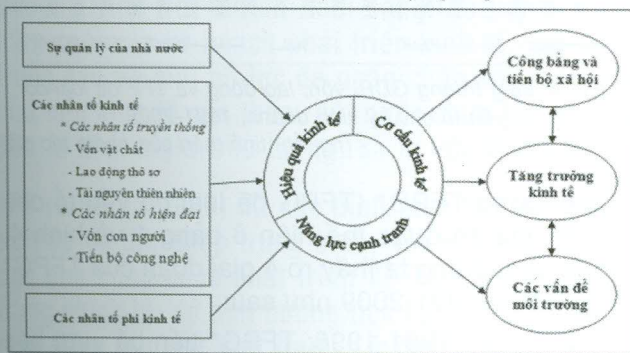
cho thể chế dân chủ luôn đổi mới, đến lượt nó thúc đẩy tăng trưởng ở tỷ lệ cao hơn; và (5) tăng trưởng phải đạt được mục tiêu cải thiện phúc lợi xã hội và giảm đói nghèo.

Từ những quan điểm và khái niệm nêu trên, có thể khái quát một nền kinh tế tăng trưởng có chất lượng thể hiện qua các đặc trưng sau:

- Tốc độ tăng trưởng cao và được duy trì trong một thời gian dài.
- Phát triển có hiệu quả, thể hiện qua năng suất lao động, năng suất tài sản cao và ổn định, hệ số ICOR phù hợp, và đóng góp của TFP cao.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng nâng cao hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nền kinh tế trong mỗi thời kỳ.

- Nền kinh tế có tính cạnh tranh cao.
- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo hài hòa đời sống xã hội.
- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái.
- Quản lý hiệu quả của Nhà nước.

Tổng hợp những vấn đề được trình bày ở trên, có thể đưa ra một sơ đồ tóm tắt như sau:



Hình 1: các nội dung phân tích số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế

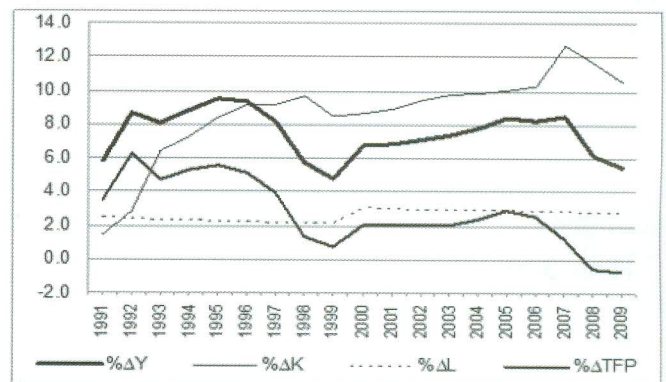
Tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới

Trong gần 30 năm qua kể từ khi đổi mới nền kinh tế, Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế liên tục với tốc độ cao. So với thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) với tăng trưởng đạt khoảng 2%/năm, thời kỳ 5 năm ngay sau khi đổi mới (1986-1990), nền kinh tế nước ta đã có tốc độ tăng trưởng gần gấp đôi, đạt xấp xỉ 3,9%/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân năm thời kỳ 5 năm ngay sau đó (1991-1995) hơn gấp đôi thời kỳ trước (đạt khoảng 8,2%), các thời kỳ 1996-2000 đạt 7,0%, 2001-2005 là 7,5%, và thời kỳ gần đây nhất 2006-2009 đạt 7,0%. Tính bình quân trong cả giai đoạn từ 1991 đến 2009, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 7,4%/năm, là tốc độ tăng thuộc loại cao và ổn định so với các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tính đến nay, thời gian tăng trưởng kinh tế liên tục của Việt Nam đã đạt 29 năm, vượt kỷ lục 23 năm của Hàn Quốc. Như vậy, có thể khẳng định tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sau đổi mới là vô cùng ấn tượng và rất đáng tự hào. Nếu như năm 1991, GDP bình quân đầu người của Việt Nam (tính theo sức mua tương đương - PPP) chưa bằng 1/2 của Philippines hay Indonesia, chỉ đạt khoảng 1/5 của Thái Lan, hơn 1/10 của Malaysia; thì các con số tương ứng này đã tăng lên đáng kể sau 17 năm, lần lượt xấp xỉ các mức 3/4, 1/3 và 1/5. Tuy nhiên, nếu so sánh với Trung Quốc, chúng ta lại đang có sự tụt hậu đáng

kể, khi GDP bình quân đầu người tính theo PPP năm 2008 chưa bằng 50% của nước này, trong khi sự chênh lệch chỉ vào khoảng 20% vào năm 1991. Năm 2008, mức GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt 17,1 triệu đồng, tương đương 1.040 USD theo tỷ giá hối đoái và 2.784 USD theo PPP (IMF, 2009). Đây vẫn là những con số thấp xa so với mức bình quân chung của khu vực, của châu Á, cũng như của toàn thế giới.

Như vậy, để đưa đất nước sớm thoát khỏi khu vực các quốc gia có thu nhập thấp, Việt Nam cần phải duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong dài hạn, và điều này chỉ có thể đạt được nếu sự tăng trưởng đó là tăng trưởng bền vững, tăng trưởng có chất lượng cao.

Đóng góp của TFP đối với tăng trưởng kinh tế

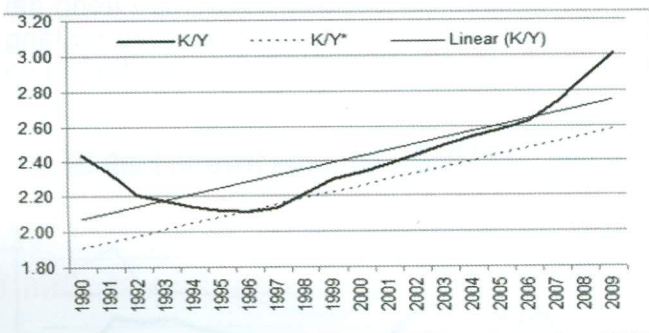


Hình 2: tăng trưởng GDP, vốn, lao động và TFP, 1991-2009 (nguồn: tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê)

Hình 2 mô tả đóng góp của vốn, lao động và TFP vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1991-2009. Có thể rút ra một số nhận định về xu hướng tăng trưởng của GDP (Y) và các yếu tố vốn (K), lao động (L), TFP ở nước ta như sau:

Trước hết, tốc độ tăng trưởng của vốn ngày càng cao, điều này hoàn toàn phù hợp với số liệu về đầu tư và tích lũy tài sản của nước ta hiện nay và các nhận định về tăng trưởng dựa nhiều vào vốn của nền kinh tế trong thời gian gần đây. Theo quy luật, năng suất cận biên giảm dần, sự gia tăng của vốn vật chất cuối cùng sẽ làm giảm năng suất cận biên của vốn. Tuy nhiên, nếu so sánh thêm với các số liệu về năng suất lao động ở Việt Nam thì tỷ lệ vốn/lao động tăng lên có thể làm tăng năng suất lao động: năng suất lao động xã hội (theo giá so sánh) đã tăng từ 4,6 triệu đồng/người năm 1991 lên 10,8 triệu đồng/người năm 2009, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 4,9%/năm.

Thứ hai, tăng trưởng TFP tính được có xu thế biến động rất giống GDP (mặc dù khoảng cách giữa hai đường tăng trưởng này dường như ngày càng xa nhau). Cũng giống tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng TFP có thể được chia thành bốn thời kỳ 1991-1995, 1996-2000, 2001-2005, 2006-2009. Điều này chứng tỏ tăng trưởng TFP chịu ảnh hưởng của chu kỳ kinh doanh. Để đánh giá được chính xác hơn vai trò của TFP đối với tăng trưởng kinh tế, cần loại bỏ tác động của chu kỳ kinh doanh ra khỏi tăng trưởng TFP bằng phương pháp Wharton [1].



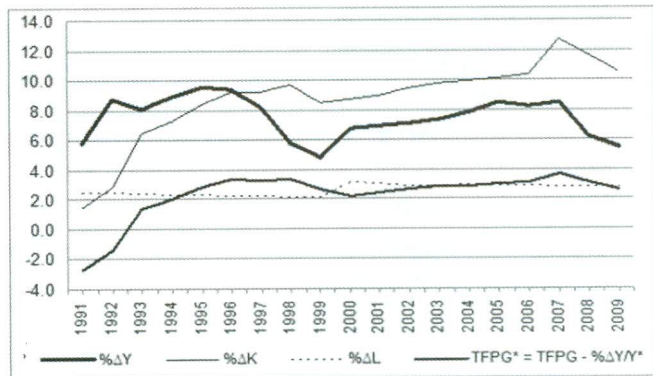
Hình 3: phương pháp Wharton để loại bỏ tác động của chu kỳ kinh doanh khỏi TFPG (tốc độ tăng trưởng TFP)
(nguồn: tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê)

Hình 3 cho thấy 1996 là năm mà đường song song với đường xu thế giao với đường biểu diễn chuỗi K/Y, điều này có nghĩa vào năm 1996 nền kinh tế đạt mức sử dụng năng lực cao nhất trong toàn giai đoạn 1991-2009, vì vậy 1996 được giả định là năm nền kinh tế đạt tới mức toàn dụng các nguồn lực. Từ đây, ta tính được sản lượng tiềm năng Y^* , mức độ sử dụng nguồn lực Y/Y^* và tác động của chu kỳ kinh doanh (tốc độ tăng của Y/Y^*).

Bảng 1: tính TFPG và TFP đã loại bỏ yếu tố chu kỳ kinh doanh (đơn vị: %)

Năm	SK	% ΔY	% ΔK	% ΔL	TFPG	K/Y*	Y/Y*	% $\Delta Y/Y^*$	TFPG*
1991	0.16	5.8	1.5	2.5	3.51	1.94	0.83	6.21	-2.70
1992	0.18	8.7	2.8	2.4	6.23	1.98	0.89	7.65	-1.42
1993	0.24	8.1	6.4	2.3	4.75	2.01	0.93	3.39	1.36
1994	0.25	8.8	7.3	2.3	5.28	2.05	0.96	3.25	2.03
1995	0.27	9.5	8.4	2.3	5.61	2.08	0.98	2.77	2.84
1996	0.28	9.3	9.2	2.2	5.15	2.12	1.00	1.85	3.30
1997	0.29	8.2	9.2	2.2	3.96	2.15	1.01	0.69	3.27
1998	0.31	5.8	9.7	2.1	1.32	2.19	0.99	-1.97	3.29
1999	0.30	4.8	8.5	2.1	0.78	2.22	0.97	-1.87	2.65
2000	0.31	6.8	8.7	3.1	2.01	2.26	0.97	-0.20	2.21
2001	0.32	6.9	9.0	3.0	2.02	2.29	0.96	-0.37	2.39
2002	0.33	7.1	9.5	2.9	2.01	2.33	0.96	-0.68	2.69
2003	0.35	7.3	9.8	2.9	2.07	2.36	0.95	-0.76	2.82
2004	0.36	7.8	9.9	2.9	2.40	2.40	0.94	-0.46	2.85
2005	0.36	8.4	10.1	2.9	2.94	2.43	0.94	-0.04	2.98
2006	0.38	8.2	10.3	2.8	2.58	2.47	0.94	-0.48	3.06
2007	0.44	8.5	12.7	2.8	1.31	2.50	0.92	-2.38	3.69
2008	0.44	6.2	11.7	2.8	-0.51	2.54	0.88	-3.57	3.06
2009	0.44	5.5	10.5	2.8	-0.69	2.57	0.86	-3.26	2.57

Ghi chú: $TFPG^* = TFPG - \%Y/Y^*$ là tốc độ tăng trưởng TFP sau khi loại bỏ yếu tố chu kỳ kinh doanh



Hình 4: tăng trưởng GDP, vốn, lao động và TFP đã loại bỏ yếu tố chu kỳ kinh doanh, 1991-2009
(nguồn: tính toán của nhóm tác giả)

Ước lượng $TFPG^*$ (TFPG đã loại bỏ yếu tố chu kỳ kinh doanh) được thể hiện ở bảng 1 và hình 4, qua đó cho chúng ta thấy rõ 4 giai đoạn của $TFPG^*$ trong thời kỳ 1991-2009 như sau:

- Giai đoạn 1991-1996: $TFPG^*$ tiến bộ vượt bậc (từ -2,3 lên 3,3), thể hiện sự thành công bước đầu của quá trình đổi mới, với việc nền kinh tế mở cửa ra thế giới, xuất khẩu và FDI tăng trưởng nhanh chóng và đất nước bắt đầu được nhận nguồn vốn ODA. Điều này góp phần khẳng định vai trò tích cực của thương mại và đầu tư nước ngoài đối với hiệu quả kỹ thuật - công nghệ, thành phần quan trọng của TFP.

- Giai đoạn 1997-2000: $TFPG^*$ vẫn ở mức tương đối cao, nhưng có chiều hướng giảm (từ 3,27 xuống 2,21). Đây cũng là giai đoạn tăng trưởng kinh tế giảm sút do cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ của khu vực.

- Giai đoạn 2001-2007: $TFPG^*$ có xu hướng tăng nhẹ (từ 2,39 lên 3,69), cho thấy sự phục hồi của nền kinh tế, cả về tốc độ tăng trưởng cũng như hiệu quả kinh tế.

- Giai đoạn 2008-2009: $TFPG^*$ của Việt Nam giảm (từ 3,06 xuống 2,57) cùng cuộc suy thoái kinh tế thế giới trong thời gian gần đây.

Trên đây là những phân tích về đóng góp của TFP đối với tăng trưởng kinh tế. Vậy tác động của các nhân tố tới tăng trưởng TFP và vai trò của nó trong chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam như thế nào sẽ được chúng tôi tiếp tục trình bày trong kỳ tiếp theo ■

[1] Xem thêm Trần Thọ Đạt (2004) về cách tính TFP, K/Y*, Y/Y*.